TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **939**/2026/QĐST-VHNGĐ	*Đồng Nai, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1212/2026/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 2000; CCCD số 075300006508 do Bộ C cấp ngày 20/6/2025; Địa chỉ: Nhà trọ N1, tổ A, khu phố E, phường T, thành phố Đ.

2. Ông Trần Thanh H, sinh năm 1995; CCCD số 040095013048 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 14/02/2023; Địa chỉ: Tổ A, khu phố E, phường T, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết N và ông Trần Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, thành phố Đ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 30 ngày 10/3/2023.

Nay bà Lê Thị Tuyết N và ông Trần Thanh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà N, ông H xác định có 01 con chung là cháu Trần Lê An H1, sinh ngày 08/12/2023. Ly hôn, bà N, ông H thống nhất giao con chung cho ông Trần Thanh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà N, ông H phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Tuyết N và ông Trần Thanh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Lê Thị Tuyết N và ông Trần Thanh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê An H1, sinh ngày 08/12/2023 cho ông Trần Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Bà Lê Thị Tuyết N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Tuyết N không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết N và ông Trần Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0011010 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Bà N và ông H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai (1);
- THADS TP. Đồng Nai (1)
- TAND TP. Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt